TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HOÀ BÌNH** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2019/DS-ST
Ngày: 18/10/2019
"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÒA BÌNH, TỈNH HÒA BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đinh Trường Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Khánh và ông Phạm Quốc Trung

Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Thu Hằng - Thư ký Toà án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 32/2019/TLST-DS, ngày 02 tháng 5 năm 2019 về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2019/QĐXXST-DS, ngày 18 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoán phiên tòa số: 16/2019/QĐST-DS ngày 03/10/2019 đối với:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV)

Địa chỉ: Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội.

+ Người đại diện theo pháp luật: ông Phan Đức Tú – Chủ tịch HĐQT

+ Người được ủy quyền: ông Lương Quang Minh – Giám đốc BIDV Chi nhánh Hòa Bình.

+ Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: bà Nguyễn Thị Thu Hương – Trưởng phòng khách hàng cá nhân BIDV – Chi nhánh Hòa Bình.

- Bị đơn: ông Nguyễn Hồng **A**, sinh năm 1980

Địa chỉ: SN 76, tổ 16, phường **TH**, TP Hòa Bình, Hòa Bình.

Đại diện phía nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) trình bày:

Ngày 02/6/2017 Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hòa Bình và ông Nguyễn Hồng **A**, sinh năm 1980, địa chỉ: SN 76, tổ 16, phường **TH,** TP Hòa Bình cùng ký kết hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số: 01/2017/104945/HĐTC. Nội dung cụ thể của hợp đồng như sau:

Ngân hàng cho ông **A** vay theo hạn mức thấu chi với số tiền tối đa là 360.000.000 đồng (Ba trăm sáu mươi triệu đồng). Tài khoản cấp hạn mức thấu chi số 455.15.0000 tại BIDV Hòa Bình. Mục đích sử dụng hạn mức thấu chi: phục vụ nhu cầu tiêu dùng cá nhân và gia đình. Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng (ngày 02/6/2017). Lãi suất thấu chi: 6%/năm. Lãi suất quá hạn = 150% lãi suất trong hạn.

Ngày 02/6/2017 ông **A** đã rút đủ số tiền 360.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng ông **A** đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc là: Ngày 29/12/2019 là 13.600.000 đồng; Ngày 30/01/2018 là 11.776.616 đồng; Ngày 01/6/2018 là 128.975.000 đồng. Số dư nợ gốc còn lại là: 205.648.384 đồng.

Ngày 07/12/2017 ông **A** đã xin nghỉ việc tại đơn vị và cũng từ ngày 01/6/2018 ông **A** ngừng thanh toán số nợ còn lại. Từ ngày 26/3/2018 số nợ trên Ngân hàng đã chuyển sang nợ quá hạn.

Vì vậy nay Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Hồng **A** phải thanh toán tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 18/10/2019 là:

- Tiền nợ gốc: 205.648.384 đồng;

- Nợ lãi trong hạn: 45.748.282 đồng.

- Lãi quá hạn: 17.037.828 đồng

Tổng cộng là: 268.434.494 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân TP Hòa Bình đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án và nhiều lần gửi các Giấy triệu tập, thông báo của Tòa án cho ông **A** đến Tòa làm việc nhưng ông **A** đều vắng mặt. Tòa án đã tiến hành xác minh tại tổ dân phố và công an phường **TH** thành phố Hòa Bình.

Theo kết quả xác minh được biết hiện nay ông Nguyễn Hồng **A** vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại: tổ 16, phường **TH**, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Tuy nhiên thực tế ông **A** và vợ con đã chuyển khỏi địa phương đi đâu không rõ địa chỉ, nơi cư trú mới, khi đi ông **A** cũng không thông báo cho chính quyền địa phương cũng như tổ dân phố biết.

Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú cuối cùng của ông Nguyễn Hồng **A** theo quy định của pháp luật nhưng ông **A** cũng không đến Tòa án làm việc, không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng cũng như không đưa ra yêu cầu phản tố.

Đại diện phía Ngân hàng đã có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải do ông **A** cố tình trốn tránh, trốn nợ, gây khó khăn. Do đó, vụ án thuộc trường hợp không thể tiến hành hòa giải được và phải đưa ra xét xử.

Ngày 03/10/2019 vụ án được đưa ra xét xử, ông **A** vắng mặt nên phiên tòa phải hoãn lần thứ nhất. Hôm nay ông **A** vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký tòa án đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại phiên tòa. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS. Bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Nguyễn Hồng **A** phải thanh toán trả Ngân hàng BIDV tổng số tiền nợ gốc và lãi phát sinh tính đến ngày 18/10/2019. Ông **A** tiếp tục phải chịu lãi phát sinh cho đến khi thi hành án xong mọi khoản nợ cho BIDV.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, đương sự không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đều hợp pháp.

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng. Bị đơn ông Nguyễn Hồng **A** có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 16, phường **TH**, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Theo quy định điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP Hòa Bình.

- Tòa án đã tiến hành triệu tập, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Hồng **A**. Theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự: Đương sự phải có nghĩa vụ tôn trọng Tòa án, phải có mặt theo giấy triệu tập và chấp hành quyết định của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án. Như vậy, ông **A** đã từ bỏ quyền lợi của mình về việc được nêu quan điểm, ý kiến và cung cấp chứng cứ chứng minh. Tòa

chỉ căn cứ vào các chứng cứ tài liệu do nguyên đơn cung cấp cũng như các tài liệu mà Tòa án tiến hành xác minh, thu thập để làm căn cứ giải quyết vụ án.

- Về sự có mặt của đương sự, Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ông Nguyễn Hồng **A** là Chuyên viên Phòng quản trị tín dụng, Chi nhánh Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Hòa Bình. Ngày 02/6/2017 đã ký kết hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số: 01/2017/104945/HĐTC với nội dung cụ thể của như sau: Ngân hàng cho ông **A** vay theo hạn mức thấu chi với số tiền tối đa là 360.000.000 đồng (Ba trăm sáu mươi triệu đồng). Tài khoản cấp hạn mức thấu chi số 455.15.0000 tại BIDV Hòa Bình. Mục đích sử dụng hạn mức thấu chi: phục vụ nhu cầu tiêu dùng cá nhân và gia đình. Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng (ngày 02/6/2017). Lãi suất thấu chi: 6%/năm. Lãi suất quá hạn = 150% lãi suất trong hạn.

Căn cứ vào đơn đề nghị vay vốn của ông **A** + chấp thuận đồng ý cho vay của Ngân hàng và Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số: 01/2017/104945/HĐTC, có đầy đủ chữ ký của các bên cho thấy việc giao kết hợp đồng tín dụng giữa ông **A** và Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam, Chi nhánh Hòa Bình là có thật. Nội dung và hình thức của Hợp đồng này phù hợp với quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực đối với các bên.

Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Theo thỏa thuận của hợp đồng thì ngày 02/6/2018 ông Nguyễn Hồng **A** phải thanh toán cho Ngân hàng cả gốc và lãi đã vay. Tuy nhiên đến ngày 07/12/2017 ông **A** đã nghỉ việc tại đơn vị và từ ngày 02/6/2018 ông **A** cũng không thanh toán thêm khoản nào cho Ngân hàng.

Theo bản sao kê tài khoản, lịch sử trả nợ của khách hàng thể hiện ông **A** còn nợ Ngân hàng tính đến ngày 18/10/2019 số nợ gốc là 205.648.384 đồng. Vì vậy yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toàn toàn bộ số tiền trên là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về số tiền nợ lãi: Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định "…Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định pháp luật".

Đối với hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số: 01/2017/104945/HĐTC lãi trong hạn được tính từ ngày giải ngân vốn đầu tiên 02/6/2017 đến ngày 02/6/2018.

Về lãi suất quá hạn thì theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 4 của phụ lục hợp đồng quy định: "Trường hợp không thu được lãi thấu chi trong 09 ngày (làm việc) tiếp

theo, Ngân hàng được quyền chấm dứt hạn mức thấu chi trước hạn và chuyển toàn bộ khoản thấu chi sang trạng thái quá hạn đồng thời áp dụng lãi suất quá hạn theo quy định của hợp đồng". Tuy nhiên vì ông **A** là nhân viên của Ngân hàng nên Ngân hàng đã tạo điều kiện chờ các khoản đơn vị thanh toán khi cán bộ nghỉ việc, do đó đến ngày 28/3/2018 ngân hàng mới chuyển khoản nợ trên sang quá hạn. Với cách tính lãi suất quá hạn = 150% lãi suất trong hạn trên số nợ gốc thực tế chưa thanh toán.

Tạm tính đến ngày 18/10/2019 ông **A** còn nợ Ngân hàng số tiền lãi trong hạn là: 45.748.282 đồng và lãi quá hạn là: 17.037.828 đồng.

Xét cách tính lãi của Ngân hàng là đúng theo phần xác nhận chấp thuận cho vay của BIDV và theo đúng thỏa thuận của các bên ghi tại mục 5 của Hợp đồng. Mức lãi suất các bên thỏa thuận là phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu tính lãi của Ngân hàng.

Ngân hàng yêu cầu ông **A** phải tiếp tục chịu lãi quá hạn trên số tiền phải thanh toán trả Ngân hàng theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong mọi khoản nợ là phù hợp với điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 nên cần chấp nhận.

[3] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 91; Điều 95; điểm d, khoản 3 Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam. Buộc ông Nguyễn Hồng **A** phải thanh toán trả Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam tổng số tiền là: **268.434.494 đồng** (Hai trăm sáu tám triệu bốn trăm ba tư nghìn bốn trăm chín tư đồng). Trong đó số tiền nợ gốc là: 205.648.384 đồng; nợ lãi tính đến ngày 18/10/2019 là 62.786.110 đồng.

Kể từ ngày 18/10/2019 cho đến khi thi hành án xong ông Nguyễn Hồng **A** còn phải tiếp tục chịu lãi suất trên số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Hồng **A** phải nộp 13.421.724 đồng (Mười ba triệu bốn trăm hai mốt nghìn bảy trăm hai tư đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam 6.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục THADS thành phố Hòa Bình theo biên lai THA số 0001922 ngày 02/5/2019.

3. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Hòa Bình;
- VKSND TPHB;
- Chi cục THADS TPHB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đinh Trường Sơn